TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **342**/2020/HNGĐ-ST;
Ngày: 29/8/2020;
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Xê; Bà Nguyễn Thị Lan.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/8/2020 và ngày 29/8/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2020, về việc: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn , xã An Khh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn M- Luật sư thuộc Công ty ng – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

Địa chỉ: ngõ 28, đường Ỷ L, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Bùi Quang H, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn , xã An Kh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Quang Ng, sinh năm 1982. *Có mặt.*

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985. *Vắng mặt.*

- Cháu Bùi Thị Ng, sinh năm 2004; cháu Bùi Thị Đ, sinh năm 2006; cháu Bùi Thị Anh T, sinh năm 2009; Bùi Thị Mh , sinh năm 2013; cháu Bùi Quang Đ, sinh năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Bùi Quang Ng và chị Hoàng Thị H (là bố mẹ đẻ).

- Anh Bùi Quang Th, sinh năm 1990.

Người đại diện theo pháp luật của anh Tình: Ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Y (là bố mẹ đẻ). *Vắng mặt.*

Đều trú tại: Thôn , xã An Khh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Chị Bùi Thị , sinh năm 1984.

Trú tại: xã Sơn Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

- Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1965

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Tổ , phường Dương Ni, quận Hà Đông, TP. Hà Nội. *Đều vắng mặt.*

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà Nguyễn Thị , sinh năm 1932.

Trú tại: Thôn , xã An Khh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

Bà và ông Bùi Quang H kết hôn năm 1980 trên cơ sở tự nguyện, tuy có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Kh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội nhưng lâu ngày bị mất giấy đăng ký.

Sau kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ khi ông H đi làm bảo vệ thì hai bên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Khoảng năm 2013, ông bà sống ly thân đến nay. Quá trình sống ly thân, hai bên không tìm được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn. Ông H không còn liên hệ với gia đình bên ngoại, không tham

gia các công việc bên gia đình bà, các công việc bên nhà ông H bà cũng không tham gia. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Bùi Quang Ng, sinh năm 1982; Bùi Thị , sinh năm 1984; Bùi Quang Th; sinh năm 1990.

Hiện nay 02 con là Ng và đều khỏe mạnh, có gia đình riêng nên không phải giải quyết; con là Bùi Quang Th bị nhiễm chất độc da cam, không khả năng lao động. Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung:** Bà và ông H có các tài sản chung sau đây:

- Thửa đất số , diện tích m^2 tại , thôn An T, xã An Khnh, huyện Hoài Đức, Hà Nội do bố mẹ chồng cho hai vợ chồng khi kết hôn. Hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà 03 gian cấp 4, tường bao xây đơn có trát hiện còn khoảng $10m^2$ do ông bà làm năm 1987. Năm 2019, con trai và con dâu ông bà là Bùi Quang Ngh và Hoàng Thị H thuê thợ đục ra, trát lại tường. Phần tài sản còn lại trên đất gồm: sân, nhà cấp 4 do con trai và con dâu ông bà bỏ tiền ra xây dựng.

+ Thửa đất số , diện tích m^2, tại Xóm đường Đ, thôn , xã An Khnh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, thửa đất này do bà và ông H mua năm 1994 theo diện xét duyệt của thôn. Trên đất có các tài sản gồm: 01 Nhà cấp 4 diện tích khoảng $80m^2$ do ông bà xây dựng năm 1998, năm 2019, con trai ông bà lợp lại mái tôn, lát nền lại; 01 Nhà 04 tầng, do anh Ngh, chị H xây dựng năm 2019.

Hiện nay trên đất cả gia đình ông bà gồm có 10 thành viên đang sinh sống gồm: Ông H, bà (n), con trai Nga, con trai Tnh, con dâu H, các con của Ngh và H gồm: Bùi Thị Ng, Bùi Thị Đ, Bùi Thị Anh T, Bùi Thị Minh T, Bùi Quang Đ.

Nay bà yêu cầu: Về thừa đất 212, năm 2018 anh Ngh là con ông bà đã tự ý làm một ngôi nhà 03 tầng 1 tum kiên cố như hiện nay, tuy bà không đồng ý cho nhưng để đảm bảo giá trị ngôi nhà, bà đồng ý giao cho anh Ngh tiếp tục sử dụng phần đất và ngôi nhà 03 tầng, đồng thời anh Ng phải thanh toán cho bà 1 phần giá trị đất tương đương 1 tỷ 465 triệu đồng. Phần còn lại 81 m2 bà xin nhận để lấy chỗ sinh sống. Về Thửa đất 282, diện tích $174m^2$ bà đề nghị giao toàn bộ cho ông H sử dụng.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

* Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Đơn trình bày, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Y kết hôn năm 1980 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Kh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội nhưng lâu quá đã mất giấy đăng ký.

Sau kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. bà Y tự đi khỏi nhà, tham gia nhiều tổ chức, buôn bán đa cấp, ít quan tâm chăm sóc gia đình, không quan tâm đến công việc của bên gia đình nhà chồng. Từ đó dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô xát một lần. Ông bà sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Kể từ đó đến nay, hai bên không có điều kiện để giải quyết mâu thuẫn do đặc thù nghề nghiệp của ông, lúc ông đi làm về bà Y không có nhà. Nay bà Y yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy ông không đồng ý nhưng nếu bà Y cương quyết thì ông cũng đồng ý ly hôn vì đã hết tình cảm.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Bùi Quang Ng, sinh năm 1982; Bùi Thị , sinh năm 1984; Bùi Quang Th, sinh năm 1990.

Hiện nay 02 con là Ng và y đều khỏe mạnh, có gia đình riêng nên không phải giải quyết; con là Bùi Quang Th bị nhiễm chất độc da cam, không khả năng lao động, sống phụ thuộc vào người thân. Nếu ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Th và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung:

+ Về thửa đất số 282, diện tích 174m^2 tại , xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 896795 ngày 29/8/2011. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà 03 gian cấp 4, tường bao xây đơn có trát, hiện còn khoảng 10m^2, do bố mẹ ông làm năm 1987. Năm 2019, con trai và con dâu ông bà là Bùi Quang Ng và Hoàng Thị H thuê thợ đục ra, trát lại tường. Phần tài sản còn lại gồm: Sân, nhà cấp 4 03 gian do con trai và con dâu đứng ra xây dựng cho thuê ngắn hạn theo tháng. Nguồn gốc thửa đất này là bố mẹ ông mua và cho vợ chồng ông ở. Năm 2011, ông đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không báo cho mẹ ông biết. Nay bà Y yêu cầu chia thửa đất này, ông không đồng ý vì chưa được sự đồng ý của mẹ ông tại thời điểm cấp sổ đỏ, mẹ ông có yêu cầu đòi lại Thửa đất này, ông đồng ý trả lại cho mẹ ông.

+ Về thửa đất số 212, diện tích 188m^2, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Thửa đất này do vợ chồng ông mua vào khoảng năm 1994 theo diện xét duyệt của thôn, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà cấp 4 do ông bà xây dựng năm 1998, năm 2019 con trai và con dâu lợp lại mái tôn, lát nền lại; 01 Nhà 04 tầng, do con trai con dâu ông xây dựng năm 2019.

Nay bà Y yêu cầu chia thửa đất này, ông không đồng ý vì lý do vào năm 2019, do nhà xuống cấp, ông và bà Y đã đồng ý cho con trai và con dâu phá nhà cũ để xây nhà 04 tầng như hiện nay nên quan điểm của ông là giữ nguyên nhà đất cho con cháu ở và kinh doanh, không chia theo yêu cầu của bà Y.

Ngoài ra, vào khoảng năm 1995, ông và bà Y có mua được 72m^2 đất của gia đình ông Ngô Văn C, là hộ liền kề với thửa đất số 282. Sau đó, khoảng năm 2000, vợ ông bán được 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), toàn bộ số tiền này bà Y giữ chi tiêu riêng. Nay ly hôn, ông đề nghị chia làm 2 phần, ông và bà Y mỗi người hưởng 1 phần.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng bà Yn quản lý chi tiêu nên đã chủ ý tự mua 1 mảnh đất tại Hà Đông để xây dựng nhà riêng, nay ông đề nghị làm rõ tài sản này để chia.

- Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị M trình bày:***

Thửa đất số 282, diện tích 174m^2 tại , xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội có nguồn gốc là của vợ chồng bà mua được.

Năm 1987, vợ chồng bà cho con trai và con dâu là Bùi Quang H và Nguyễn Thị Y ra ở tạm.

Năm 2008, chồng bà mất. Năm 2011, khi ông H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không được biết. Nay con dâu là bà Y có yêu cầu chia thửa đất này, bà không đồng ý vì lý do: Theo phong tục địa phương, con trai lớn về ở cùng với bố mẹ, còn trên thực tế bà chưa cho ông H và bà Y được quyền sử dụng thửa đất này.

Nay nếu ông H bà Y ly hôn, bà yêu cầu ông H, bà Y phải trả lại cho bà thửa đất này.

Các tài sản do cháu trai và cháu dâu xây dựng trên đất, bà và các cháu tự giải quyết với nhau, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

**** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Quang Ng trình bày:***

Bố mẹ anh là ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Yn.

Được sự đồng ý của bố mẹ anh, vào năm 2018, vợ chồng anh có phá nhà cũ, xây dựng nhà 04 tầng trên thửa đất số 212, tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với tổng giá trị 2.250.000.000đ. Ngoài ra, vợ chồng anh đổ đất tôn nền hiện nay khoảng 70cm tại vị trí nhà cấp 4, làm trần nhựa, lát nền nhà, sửa lại cửa với tổng giá trị 185.000.000đ.

Vào năm 2019, được sự đồng ý của bố mẹ anh, vợ chồng anh xây nhà cấp 4 (gồm 3 phòng có vệ sinh khép kín); 01 khu vệ sinh riêng; làm mái tôn; đục tường nhà cũ trát lại; làm sân bê tông; đổ đất tôn nền tại vị trí sân bê tông 50cm, với tổng giá trị 350.000.000đ trên thửa đất số 282, tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Nay mẹ anh yêu cầu chia đất và thanh toán giá trị tài sản vợ chồng anh đã phát triển trên đất bằng tiền thì anh không đồng ý, đề nghị được tiếp tục sử dụng vì trước khi xây dựng các công trình trên đất, vợ chồng anh đã hỏi ý kiến và được sự đồng ý của bố mẹ.

**** Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị H đồng ý với quan điểm của anh Bùi Quang Ng, không bổ sung gì thêm.***

**** Tại Bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị y trình bày:***

Chị là con của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Yn. Chị sống cùng bố mẹ từ nhỏ đến khi lấy chồng vào năm 2010.

Toàn bộ các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa số 282, tại thôn An Thọ và thửa đất giãn dân số 212 (hiện nay là số nhà 105) thuộc xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bố mẹ chị. Chị không có quyền lợi gì liên quan và không có yêu cầu về quyền lợi.

Chị xin vắng mặt khi Tòa án nhân dân các cấp giải quyết vụ án.

**** Tại Đơn đề nghị, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc Quh và bà Lê Thị Thn trình bày:***

Năm 2019, do thấy bà Nguyễn Thị Y (Bà Y là chị ông Quh) mâu thuẫn với ông H, không có nơi ở nên ông bà đã làm 01 nhà tạm cho bà Y ở trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn tại diện tích đất của ông bà ở phường Dương Nội, quận Hà Đông. Nhà, đất là của ông bà, không phải của bà Yn và diện tích đất này cũng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**** Tại Biên bản làm việc, UBND xã An Khnh cung cấp:***

Ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Y chung sống từ trước năm 1987. Hiện nay UBND xã không còn lưu giữ sổ hộ tịch (đăng ký kết hôn) tại thời điểm đó nên không xác định được ông H và bà Y có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không.

Quá trình chung sống, khoảng năm 2010, giữa ông H và bà Yn xảy ra mâu thuẫn không rõ vì nguyên nhân gì.

Ông H và bà Yn có 03 con chung là: Bùi Quang Ng, sinh năm 1982; Bùi Thị y, sinh năm 1984; Bùi Quang T, sinh năm 1990.

Anh Bùi Quang Th là đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng do bị nhiễm chất độc da cam, không khả năng lao động, sống phụ thuộc vào người thân.

Tại Văn bản số 158/CAHĐ-QLHC ngày 08/7/2020 của Công an huyện Hoài Đức cung cấp:

Tại thời điểm năm 2010 đến năm 2011, hộ bà Nguyễn Thị Yn có 03 nhân khẩu là: Bà Nguyễn Thị Yn (chủ hộ), ông Bùi Quang H và anh Bùi Quang Tnh.

***Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y:**

1. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Yn được ly hôn ông H.

2. Về tài sản, do con trai bà Yn đã làm nhà kiên cố nên đề nghị chia cho bà Yn phần đất nhà cấp 4 còn lại là 81 m2, giao anh Ngh 105 m2 đã xây nhà và thanh toán cho bà Y 1.465.000.000đ.

3. Về căn nhà ông H cho rằng bà Y tự mua, tuy nhiên nhà này do em trai bà Y xây dựng trên đất của em trai và cho ở nhờ, bà Y không có quyền gì nên không được xem là tài sản chung để chia.

4. Về diện tích đất phía trong là thửa số 282, đề nghị Tòa án giao cho ông H sử dụng toàn bộ.

5. Về con chung: Giao cháu Th cho ông bà Y nuôi dưỡng.

*** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M, anh Bùi Quang Ng, chị Bùi Thị y đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Hoa cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, xử:

+ Cho bà Y được ly hôn ông H.

+ Về con chung: Giao cháu Tnh cho ông H nuôi dưỡng.

+ Về thửa đất số 282, diện tích 174m^2 tại xã An Khánh chia cho bà Y, ông H, và anh Tnh mỗi người 58m^2, phần anh Th giao cho ông H tạm quản lý.

+ Về thửa đất số 212, diện tích 188m^2, giao cho ông H 106m^2 và giao bà Y 81,5m^2.

+ Bác yêu cầu của bà M về đòi lại Thửa đất 212.

+ Về căn nhà ông H khai, qua xác minh là tài sản của em trai bà Yn nên không có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1]. Về tố tụng:

- Tranh chấp trong vụ án là quan hệ tranh chấp về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*; Bị đơn hiện cư trú tại địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Hoa, chị Bùi Thị y, anh Qunh và chị Thn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Yn và ông Bùi Quang H chung sống từ năm 1980. Theo bà Yn và ông H, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Khánh. Tuy nhiên, hiện nay không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn, UBND xã An Khánh không còn lưu giữ tài liệu thể hiện bà Yn, ông H có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điểm a Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình thì xác định quan hệ giữa bà Yn và ông H là quan hệ hôn nhân thực tế, Toà án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Sau kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận cho đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2013, bà Yn và ông H xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay bà Yn xin ly hôn, ông H cho rằng không

mong muốn nhưng nếu bà Yn cương quyết thì ông cũng đồng ý. Như vậy, bà Yn và ông H không thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Yn và ông H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của bà Yn, cho bà Yn được ly hôn ông H là phù hợp.

- Về con chung: Bà Y và ông H có 03 con chung là: Bùi Quang Ngh, sinh năm 1982; Bùi Thị y, sinh năm 1984; Bùi Quang T, sinh năm 1990.

Hiện nay, anh Bùi Quang Ngh và chị Bùi Thị y đều khỏe mạnh, có gia đình riêng, bà Yê và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Bùi Quang T đã đủ 18 tuổi nhưng bị nhiễm chất độc da cam, không khả năng lao động, được hưởng trợ cấp người khuyết tật. Nay ly hôn, cả bà Yn và ông H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng anh Tnh.

Xét thấy: Yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Y và ông H là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha, mẹ đối với các con. Tuy nhiên, ông H hiện có công việc ổn định ở gần nhà, ở cùng con trai và con dâu nên thuận tiện cho việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Yn chưa có nơi ăn ở, không có thu nhập; anh Tnh ở ổn định cùng bố và anh chị từ bé cho đến nay. Do đó, xét không cần thay đổi gây xáo trộn mà tiếp tục giao anh Th cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Việc ông H không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Xét yêu cầu chia tài sản chung:

+ Về Thửa đất số 212 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bà Yên và ông H đều thừa nhận trong quá trình chung sống mua được Thửa đất này.

Quá trình sử dụng, năm 2018, theo ông H khai, ông bà đã cho con trai là anh Ng xây nhà trên 1 phần diện tích đất, bà Y không thừa nhận; tuy nhiên xét thấy căn nhà hiện nay anh Ngh và chị H (vợ anh Ngh) xây thuộc loại nhà kiên cố, có giá trị rất lớn, nhà xây trong quá trình dài, bà Y biết việc con trai xây nhà nhưng không ngăn cản.

Do đó, để đảm bảo giá trị sử dụng căn nhà, đồng thời việc bà Y, ông H tuy không thể hiện bằng văn bản nhưng đã thể hiện ý chí đồng ý cho anh Ngh và vợ xây nhà trên đất là đã thể hiện việc ông bà tặng cho anh Ng 1 phần tài sản. Do

đó, có căn cứ khẳng định phần diện tích đất 105,2m2 thuộc Thửa đất số 212 hiện anh Ngh đã xây nhà 03 tầng đã được ông H và bà Y tặng cho anh Ng.

+ Về Thửa đất số 282, diện tích 174m^2 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Nguồn gốc thửa đất, ông H cho rằng, đất do mẹ ông cho ở, chưa cho chính thức, nay mẹ ông đòi lại ông nhất trí trả; bà Yn cho rằng đất đã cho 02 vợ chồng; bà M có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc ông H, bà Y trả lại thửa đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà M yêu cầu ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị Y trả lại Thửa đất số 282 vì cho rằng chỉ cho ở; đồng thời theo phong tục chỉ cho con trai; ông H đồng ý trả cho mẹ vì cho rằng lúc cho mẹ ông chỉ cho ở, khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cho mẹ biết; bà Y cho rằng sau khi cưới nhau thì được bố mẹ chồng cho đất để ở, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ nhận thấy: Ngoài lời trình bày thì bà M không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; mặt khác, theo vào các tài liệu lưu trữ về địa chính tại UBND xã An Khánh cho thấy, ông H là người kê khai thửa đất này và đến năm 2011, ông Hỹ cũng là người trực tiếp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến trước khi bà Y có đơn xin ly hôn và chia tài sản, không ai thắc mắc hoặc khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà Y.

Do đó, yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M về đòi lại thửa đất nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 đối với Thửa đất số 282, Hộ bà Nguyễn Thị Y có 03 nhân khẩu là: Bà Y, ông H và anh Th. Tuy nhiên anh Th bị bệnh từ bé, không có khả năng lao động nên quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất này chỉ thuộc về ông H và bà Yn.

Với phân tích, nhận định nêu trên, có đủ căn cứ khẳng định tài sản chung của ông H và bà Y bao gồm:

Một phần Thửa đất số 212 có diện tích 81,5m^2 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Thửa đất số 282, diện tích 174m^2 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và các công trình có trên đất.

Nay bà Yn yêu cầu được chia tài sản chung vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 215 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 95 và Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nguyên tắc chia tài sản khi ly hôn được thực hiện theo Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

1, ...2. Việc chia tài sản chung được giải quyết theo các nguyên tắc sau đây:

a) Tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi, ***nhưng có xem xét*** *hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản,* ***công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập,*** *duy trì, phát triển tài sản này.*

Xét diện tích đất còn lại tại Thửa đất số 212 sau khi đã trừ đi diện tích đất được xác định cho anh Ngh (con ông H và bà Y) là 81,5m2; phần đất này đủ điều kiện chia cho 2 bên cùng quản lý, sử dụng. Về công trình trên đất là nhà cấp 4, giá trị thấp nên các bên phải tự tháo dỡ, sửa chữa trong quá trình cải tạo hoặc xây dựng mới.

Đối với Thửa đất số 282, tuy được cấp giấy chứng nhận cho hộ ông H bà Y, tuy nhiên xét nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông H tặng cho vợ chồng ông H bà Yn; đồng thời xem xét các công trình hiện có trên đất, cần chia cho bà Yn được sử dụng 69,4m^2 ; ông H được sử dụng 88,5m^2 là phù hợp.

Tại ***Điều 95 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định: Nguyên tắc chia tài sản khi ly hôn.***

1,. ..,2. Việc chia tài sản chung được giải quyết theo các nguyên tắc sau đây:

a) ...

b) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên hoặc ***đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;***

Tại Biên bản định giá tài sản:

- Giá trị quyền sử dụng đất thửa số 282 là 18.000.000 đ/01m^2.

- Giá trị quyền sử dụng đất thửa 212 là 30.000.000đ/01m^2.

Việc phân chia tài sản như sau:

Xác định anh Ngh được quyền sử dụng diện tích đất 105,2m^2 thuộc thửa đất số 212 có giá trị 3.156.000.000đ (Ba tỷ một trăm năm mươi sáu triệu đồng), anh N và chị H được quyền sở hữu toàn bộ công trình trên phần đất này.

Giao cho ông H được sở hữu, sử dụng diện tích đất **40,70m^2** tại Thửa đất số 212 và phần công trình gắn liền trên đất.

Giao cho bà Y được sở hữu, sử dụng diện tích đất **40,80m^2** tại Thửa đất số 212 và phần công trình gắn liền trên đất.

Giao cho ông H được sở hữu, sử dụng diện tích đất **88,5m^2** tại Thửa đất số 282 và phần công trình gắn liền trên đất.

Giao cho bà Yn được sở hữu, sử dụng diện tích đất **69,4m^2** tại Thửa đất số 282 và phần công trình gắn liền trên đất.

2.2. Về yêu cầu của ông H cho rằng, năm 1995, ông H và bà Yên có mua được 72m^2 đất của gia đình ông Ngô Văn C, là hộ liền kề với thửa đất số 282. Sau đó, khoảng năm 2000, ông bà bán lại được 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu), toàn bộ số tiền này bà Y giữ chi tiêu riêng. Ông đề nghị chia làm 2 phần, ông và bà Y mỗi người hưởng 1 phần. Tuy nhiên bà Y không thừa nhận và ông H không có chứng cứ chứng minh số tiền này bà Yn đang giữ, nên yêu cầu của ông H không có căn cứ chấp nhận.

Về căn nhà ông H khai, qua xác minh là tài sản của em trai bà Yn nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức chỉ phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

- Bà Yn và ông H thuộc diện người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Bùi Quang Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 92; Điều 95 và Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 ; điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Cho bà Nguyễn Thị Yn được ly hôn ông Bùi Quang H.

2. Về con chung: Giao anh Bùi Quang Th, sinh năm 1990 cho ông Bùi Quang H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận ông Bùi Quang H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Y có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Y.

- Giao bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất **40,80m^2** thuộc Thửa số 212, tại xã An Khánh huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất là 40,80m^2 nhà cấp 4.

- Giao ông Bùi Quang H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất **40,70m^2** thuộc Thửa số 212, tại xã An Khánh huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất là 28,5m^2 nhà cấp 4.

- Giao ông Bùi Quang H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất **88,5m2** và các tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa số 282 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Giao bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất **69,4m^2** và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 282 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Diện tích đất làm ngõ đi chung của ông H và bà Y là 16.1m^2.

Khi các bên đương sự cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới các công trình có trên phần đất được giao thì phải tự chịu chi phí tháo dỡ, cải tạo, sửa chữa và phải đảm bảo an toàn cho phần công trình còn lại theo quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Quang Ngh được quyền sử dụng diện tích đất **105,2 m^2** thuộc Thửa số 212, tại xã An Khánh huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Anh Bùi Quang Ng và chị Hoàng Thị H được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất 105,2m^2.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Quang Ng và chị Hoàng Thị H về việc không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản phát triển trên đất giao cho ông H và bà Y.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M về việc đòi lại tài sản là Thửa đất số 282 tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông H về chia số tiền bán 72m^2 đất trị giá 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) mua của gia đình ông Ngô Văn C.

7. Không chấp nhận yêu cầu của ông H về căn nhà ông H khai bà Y mua tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

8. Các bên đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biến động về đất đai.

Việc phân chia tài sản có sơ đồ chi tiết kèm theo.

**** Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:***

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án.

9. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Y, ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự.

- Anh Bùi Quang Ng phải chịu **95.120.000đ** (Chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Y, ông Bùi Quang H, anh Bùi Quang Ngh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị M, chị Hoàng Thị H, chị Bùi Thị y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hà Nội;
- VKSND.huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA